

Số: 30/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT
CÔNG SỐ: 411
VĂN Ngày: 31-01
ĐẾN Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế-xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định Tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ ứng dụng trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 10/10/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy tỉnh Ninh Thuận về Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 11/11/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận khóa XIII về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2020 tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập dự án Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận thông qua Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 261/TTr-SKHĐT ngày 21/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Điều chỉnh toàn diện các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020.

2. Quan điểm và mục tiêu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

a) Quan điểm:

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, có khả năng cạnh tranh dựa trên nền tảng của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa công nghệ cao, đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao đời sống nhân dân; sản xuất thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của tỉnh;

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, thích hợp với từng loại hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp, có địa điểm thuận lợi để liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao, liên kết chặt chẽ giữa các vùng và doanh nghiệp NNUDCNC;

- Phát triển bền vững, an toàn về môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

b) Mục tiêu:

- Mục tiêu chung: Xây dựng nền nông nghiệp tỉnh phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao; phục vụ nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu; đảm bảo tính liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao, liên kết chặt chẽ giữa các vùng và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất thân thiện với môi trường gắn với du lịch sinh thái và nâng cao đời sống nhân dân.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Từng bước nâng cao diện tích sản xuất NNUDCNC của các đối tượng cây trồng và vật nuôi có lợi thế so sánh của tỉnh Ninh Thuận. Phần đầu đến năm 2020, diện tích sản xuất NNUDCNC trên địa bàn tỉnh là 1.110 ha (300 ha nho, 130 ha tôm giống, 310 ha rau và 370 ha mía); định hướng đến năm 2030, diện tích sản xuất NNUDCNC trên địa bàn tỉnh là 4.306 ha (650 ha nho, 800 ha rau, 416 ha tôm giống, 750 ha mía, 1.100 ha cây ăn quả, 590 ha chăn nuôi dê và cừu);

+ Từng bước nâng cao năng suất và chất lượng nông sản trên diện tích sản xuất NNUDCNC của tỉnh; tạo ra nông sản an toàn và đạt tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), có sức cạnh tranh cao, các giống cây con có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao.

3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

a) Quy hoạch đến năm 2020 gồm 06 vùng NNUDCNC đối với các đối tượng cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm);

b) Quy hoạch giai đoạn 2021-2030 sẽ mở rộng 03 vùng và bổ sung 07 vùng NNUDCNC, các nội dung này sẽ được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm).

4. Các dự án ưu tiên:

a) Dự án ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn, lai tạo giống nho và một số cây ăn quả khác.

b) Dự án ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn, tạo giống rau, hoa.

c) Dự án phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp, tập hợp và hình thành nhóm tư vấn giải pháp công nghệ phục vụ phát triển NNUDCNC.

d) Dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống tôm.

5. Nguồn lực thực hiện quy hoạch:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện Quy hoạch đến năm 2030 là 1.622,17 tỷ đồng, gồm:

a) Giai đoạn đến năm 2020 là 585,89 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 28 tỷ đồng (đầu tư hạ tầng cho các vùng NNƯDCNC);

- Vốn ngân sách địa phương: 17 tỷ đồng;

- Vốn xã hội hóa (huy động dân, doanh nghiệp): 540,89 tỷ đồng;

b) Giai đoạn 2021-2030 là 1.036,28 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 36 tỷ đồng;

- Vốn xã hội hóa (huy động dân, doanh nghiệp): 1.000,28 tỷ đồng.

6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

Gồm 8 giải pháp chủ yếu: (1) Phát triển doanh nghiệp NNƯDCNC; (2) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động; (3) Giải pháp về mặt bằng đất đai; (4) Giải pháp về nguồn nhân lực; (5) Huy động các nguồn lực, liên kết, hợp tác phát triển; (6) Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; (7) Xúc tiến thương mại, thị trường, thông tin, dịch vụ; (8) Vốn đầu tư và giải pháp huy động vốn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sau khi Quy hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tổ chức công bố quy hoạch, đồng thời xây dựng chương trình hành động cụ thể triển khai thực hiện quy hoạch.

2. Các Sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện quy hoạch đối với các nội dung, giải pháp có liên quan; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong triển khai thực hiện quy hoạch.

3. Các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, Khối NCTH;
- Lưu: VT. QMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lưu Xuân Vĩnh



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 30 /QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh)

1. Vùng sản xuất nho ứng dụng công nghệ cao Vĩnh Hải:

- Địa điểm: Xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải;
- Diện tích: 300 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,170	11,6603	7	109,151	11,6458
2	109,170	11,6504	8	109,152	11,6534
3	109,166	11,6517	9	109,154	11,6625
4	109,163	11,6478	10	109,159	11,6643
5	109,161	11,6438	11	109,165	11,6637
6	109,156	11,6437	12	109,167	11,6637

2. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Nhơn Hải:

- Địa điểm: Xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải;
- Diện tích: 110 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,115	11,6061	7	109,117	11,5937
2	109,120	11,6077	8	109,117	11,5947
3	109,122	11,6035	9	109,114	11,5957
4	109,123	11,6032	10	109,115	11,6004
5	109,122	11,5977	11	109,114	11,6008
6	109,119	11,5932			

3. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao An Hải:

- Địa điểm: Xã An Hải, huyện Ninh Phước;
- Diện tích: 100 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,987	11,5318	6	108,976	11,5217
2	108,992	11,5297	7	108,980	11,5240
3	108,992	11,5232	8	108,988	11,5255
4	108,988	11,5091	9	108,982	11,5281
5	108,979	11,5077	10	108,979	11,5123

4. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Phước Tiến:

- Địa điểm: Xã Phước Tiến, huyện Bác Ái;

- Diện tích: 100 ha;

- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,79281	11,83730	5	108,79803	11,84284
2	108,79347	11,83633	6	108,79866	11,82817
3	108,79470	11,83233	7	108,79923	11,84265
4	108,79782	11,82805	8	108,80252	11,83379

5. Vùng sản xuất mía ứng dụng công nghệ cao Phước Thắng:

- Địa điểm: Xã Phước Thắng, huyện Bác Ái;

- Diện tích: 370 ha;

- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,850	11,8140	8	108,834	11,7961
2	108,848	11,8086	9	108,829	11,7995
3	108,850	11,8068	10	108,827	11,8044
4	108,848	11,8048	11	108,829	11,8097
5	108,844	11,8048	12	108,830	11,8168
6	108,842	11,7997	13	108,835	11,8168
7	108,836	11,7963	14	108,842	11,8147

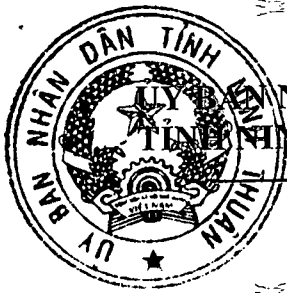
6. Vùng sản xuất tôm giống ứng dụng công nghệ cao An Hải:

- Địa điểm: Xã An Hải, huyện Ninh Phước;

- Diện tích: 130 ha;

- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,017	11,5317	6	109,006	11,5196
2	109,016	11,5325	7	109,002	11,5065
3	109,015	11,5324	8	109,002	11,4975
4	109,014	11,5332	9	109,006	11,4968
5	109,009	11,5220	10	109,010	11,4960



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
GIẢI ĐOẠN 2021-2030

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh)

I. Mở rộng 03 vùng:

1. Vùng sản xuất nho ứng dụng công nghệ cao Vĩnh Hải:

- Địa điểm: Xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải;
- Diện tích: 340 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,170	11,6603	7	109,151	11,6458
2	109,170	11,6504	8	109,152	11,6534
3	109,166	11,6517	9	109,154	11,6625
4	109,163	11,6478	10	109,159	11,6643
5	109,161	11,6438	11	109,165	11,6637
6	109,156	11,6437	12	109,167	11,6637

2. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao An Hải:

- Địa điểm: Xã An Hải, huyện Ninh Phước;
- Diện tích: 300 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108.987	11.5318	6	108.976	11.5217
2	108.992	11.5297	7	108.980	11.5240
3	108.992	11.5232	8	108.988	11.5255
4	108.988	11.5091	9	108.982	11.5281
5	108.979	11.5077	10	108.979	11.5123

3. Vùng sản xuất tôm giống ứng dụng công nghệ cao An Hải:

- Địa điểm: Xã An Hải, huyện Ninh Phước;
- Diện tích: 316 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,017	11,5317	6	109,006	11,5196
2	109,016	11,5325	7	109,002	11,5065
3	109,015	11,5324	8	109,002	11,4975
4	109,014	11,5332	9	109,006	11,4968
5	109,009	11,5220	10	109,010	11,4960

II. Bổ sung 07 vùng mới:

1. Vùng sản xuất nho rượu ứng dụng công nghệ cao Mỹ Sơn:

- Địa điểm: Xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn;
- Diện tích: 310 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,864	11,7043	6	108,877	11,6860
2	108,873	11,6975	7	108,869	11,6861
3	108,877	11,6977	8	108,866	11,6886
4	108,879	11,6943	9	108,864	11,6867
5	108,875	11,6903	10	108,854	11,6960

2. Vùng sản xuất cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao Phước Trung:

- Địa điểm: Xã Phước Trung, huyện Bác Ái;
- Diện tích: 1.100 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,961	11,6875	9	108,927	11,6798
2	108,965	11,6707	10	108,944	11,6821
3	108,959	11,6656	11	109,003	11,6759
4	108,956	11,6701	12	108,988	11,6672
5	108,953	11,668	13	108,982	11,6936
6	108,945	11,676	14	108,967	11,6892
7	108,928	11,6608	15	108,973	11,6724
8	108,926	11,6734			

3. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Tân Lập:

- Địa điểm: Xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn;
- Diện tích: 100 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,763	11,8100	6	108,776	11,8022
2	108,767	11,8089	7	108,771	11,8020
3	108,767	11,8097	8	108,771	11,7999
4	108,769	11,8096	9	108,767	11,8012
5	108,774	11,8062	10	108,763	11,8018

4. Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Lợi Hải:

- Địa điểm: Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc;
- Diện tích: 190 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,060	11,7720	6	109,062	11,7582
2	109,063	11,7708	7	109,065	11,7552
3	109,058	11,7652	8	109,058	11,7497
4	109,056	11,7632	9	109,055	11,7398
5	109,060	11,7560	10	109,060	11,7378

5. Vùng sản xuất mía ứng dụng công nghệ cao Quảng Sơn:

- Địa điểm: Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn;
- Diện tích: 380 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,763	11,7583	6	108,749	11,7582
2	108,771	11,7517	7	108,75	11,7521
3	108,768	11,748	8	108,757	11,7415
4	108,768	11,7426	9	108,768	11,7363
5	108,755	11,7575	10	108,763	11,7346

6. Vùng sản xuất tôm giống công nghệ cao Nhơn Hải:

- Địa điểm: Xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải;
- Diện tích: 100 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	109,120	11,5747	10	109,106	11,5847
2	109,121	11,5754	11	109,101	11,5856
3	109,120	11,5762	12	109,099	11,5840

4	109,119	11,5784	13	109,095	11,5882
5	109,114	11,5803	14	109,095	11,5892
6	109,116	11,5766	15	109,092	11,5890
7	109,111	11,5794	16	109,090	11,5886
8	109,110	11,5814	17	109,084	11,5894
9	109,109	11,5831	18	109,084	11,5885

7. Vùng chăn nuôi dê, cừu ứng dụng công nghệ cao Phước Ninh và Nhị

Hà:

- Địa điểm quy hoạch: Xã Phước Ninh và Nhị Hà, huyện Thuận Nam;
- Diện tích: 590 ha;
- Tọa độ:

Điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	108,844	11,4595	6	108,824	11,4335
2	108,839	11,4647	7	108,808	11,4312
3	108,834	11,4677	8	108,819	11,4233
4	108,819	11,4454	9	108,811	11,4275
5	108,836	11,4469	10	108,834	11,4597